

## ĐẶC TRƯNG NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT TRONG THƠ TÚ XƯƠNG

*Đoàn Hồng Nguyên <sup>(\*)</sup>*

1. Ngôn từ là công cụ, là phương tiện biểu hiện mang tính đặc trưng của văn học. Theo R. Jakobson "Văn học không phải là gì khác mà chính là ngôn ngữ được tổ chức một cách đặc biệt."<sup>1</sup> Là chất liệu, là "yếu tố đầu tiên" của văn học, ngôn từ đã cụ thể hóa và vật chất hóa những xúc cảm thẩm mỹ của người nghệ sĩ. Là "yếu tố đầu tiên" của văn học nên ngôn từ nghệ thuật đã được dùng làm thước đo để đánh giá tài năng và sự sáng tạo của người nghệ sĩ. Việc tìm hiểu những đặc điểm ngôn từ nghệ thuật luôn có ý nghĩa quan trọng để tìm ra những nét đặc sắc, những đặc điểm nghệ thuật mang tính khu biệt của một tác giả. Với Tú Xương, việc tìm hiểu đặc điểm ngôn từ nghệ thuật là tìm hiểu những nét riêng độc đáo để qua đó có thể chỉ ra được những đóng góp của nhà thơ cho sự phát triển của ngôn ngữ thơ ca dân tộc.

2. Nét riêng của Tú Xương thể hiện rõ nét qua hệ thống ngôn từ và cách sử dụng ngôn từ. Tú Xương ít sử dụng từ ngữ, thi liệu, ngữ liệu gốc Hán. Thơ ông Tú hầu như thiếu vắng lớp từ vựng kinh điển, sách vở mang tính điển lệ, cách điệu hóa, nhưng lại đầy ắp những từ ngữ đời sống thông tục, những ngôn từ hàng ngày cụ thể và mang đậm tính khắc họa.

Ông Tú luôn tỏ ra "dè sẻn" khi sử dụng các từ ngữ, thi liệu gốc Hán. Trong những trường hợp cần phải thể hiện những tình cảm trân trọng, thống thiết, nhà thơ vẫn không mấy "mặn mà" với những từ ngữ gốc Hán. Nỗi niềm với tri kỷ của ông Tú qua bài thơ thất ngôn luật "Nhớ bạn" chỉ vồn vẹn có mỗi một từ "tương tư". Để ca ngợi tráng khí, ca ngợi sự nghiệp vĩ đại của ông Thủ khoa Phan, Tú Xương cũng chỉ sử dụng những từ ngữ hết sức dung dị, nôm na:

*"Vá trời gặp hội mây năm về,  
Lấp bể ra công đất một hòn."*

(Gửi ông Thủ khoa Phan)<sup>2</sup>

"Vá trời": tích xưa bà Nữ Oa đội đá, "năm về" nguyên gốc chữ Hán là ngũ sắc đều đã được Việt hóa. Cả bài thơ luật thất ngôn có 56 chữ bên cạnh hai từ gốc Hán chỉ thời gian "Giáp Thìn, Canh Tí" - không thể không sử dụng, ông Tú cũng chỉ sử dụng thêm có mỗi một từ "cần khôn".

<sup>(\*)</sup> Thạc sĩ, Khoa Văn Sử Địa, Trường CĐSP Cần Thơ.

Khi khóc người bạn bút nghiên (**Khóc bạn**), trong 22 đồng lục bát Tú Xương sử dụng 7 từ gốc Hán (đối nguyệt, tri âm, Bồng hồ, Hương Hội, kinh kì, Phụng trì, cố tri), ngoài 2 chữ Bồng hồ và Phụng trì, các từ còn lại đều là những từ thông dụng. Trong đó, khi nói "Bạn đàn chưa dễ tìm nhau, Bạn nghiên, bạn bút có đâu được nhiều", với "bạn đàn", Tú Xương có nhắc lại tích xưa, chuyện về tình bạn của đôi bạn tri âm tri kỉ Bá Nha và Chung Tử Kỳ. Tích xưa đã được Việt hóa và sử dụng với dụng công nhằm tạo nên sự đối lập để làm nổi bật nội dung cần được biểu đạt, làm nổi bật tình bạn "bút nghiên" ở về sau, hơn là để trực tiếp biểu đạt nội dung cần thông báo ở về trên. Trong bài thơ luật thất ngôn "**Khóc em gái**", bên cạnh 2 từ gốc Hán "tương tư", "độ sinh" chỉ là một điển tích đã được Việt hóa "cầu Thước"...

Hạn chế sử dụng các từ gốc Hán, nhưng không vì vậy mà nổi niềm đối với "người xa cách núi sông" (**Nhớ bạn**), với người "giương tay chống vững cột càn khôn" (**Gửi ông Thủ khoa Phan**) của ông Tú lại kèm đi sự nông nản, trân trọng và nỗi đau xót khi "**Khóc bạn**" và "**Khóc em gái**" lại với bớt đi nỗi thống thiết. Chính nhờ được diễn tả bằng những từ thuần Việt nôm na, dung dị mà những nỗi niềm thương cảm càng thêm nồng nàn và thấm thiết.

Tú Xương luôn có xu hướng Việt hóa và bình dân hóa các từ ngữ, thi liệu, ngữ liệu Hán học. Đã gọi "nguyệt lão" là "ông Nguyệt" và cũng gọi là "ông Tư", đã gọi "tạo hóa" là "ông Tạo" (Hay là ông Tạo thử người đen - **Bất được đồng tiền**), nhưng Tú Xương lại không gọi "hoàng thiên" là "trời xanh" mà gọi là "ông xanh" :

*"Hỏi ông xanh sao lại thế này ư ?..."*

*...Lạy ông xanh trang trải chống đi cho."*

(Thi hồng)

So với cách gọi "hoàng thiên" là "xanh kia" ("Xanh kia thăm thăm tầng trên") trong "**Chinh phụ ngâm khúc**", ở đây khi gọi "hoàng thiên" là "ông xanh", giọng điệu của Tú Xương cũng có trách hờn ai oán, nhưng không gay gắt bằng giọng điệu của người chinh phụ.

Tú Xương cũng đã không gọi "hóa nhi" là "trẻ Tạo" mà lại gọi một cách đầy trịch thượng là "thằng bé con con" (Thằng bé con con đã chán cù - **Hỏi mình**). Tương tự, ông Tú đã gọi "thiên tào" (Bắc thang lên hỏi số Thiên tào - **Gửi cho cố nhân**), nhưng cũng đã gọi là "ông cầm số" (Bắc thang lên hỏi ông cầm số - **Khóc vợ bạn**). Trong bài "**Áo bông che đầu**", khi sử dụng điển tích "khóc trúc Thương Ngô", Tú Xương đã dung dị hóa điển xưa bằng cách lược bỏ đi gốc tích Hán học của nó để tạo thành "khóc trúc, than ngô" - một kiểu thành ngữ nửa chữ, nửa nôm. Khi được biến thành "khóc trúc, than ngô" và được đặt trong thế đối xứng với "Tam đảo, Ngũ hồ", hàm nghĩa của "khóc trúc than ngô" đã trở nên thật cụ thể và sinh động. Với "Khóc trúc than ngô", nỗi tiếc thương của người vợ góa đối với người chồng đã khuất càng cụ

thể hơn nhờ sự hỗ trợ của cặp từ đối lập "người đi" với "kẻ về". "Khóc trúc, than ngô" đã diễn tả sự đau thương cực độ - đã giúp cho người đọc cảm thấy được nỗi đau thương của người vợ góa trong cảnh tử biệt sinh li giữa "người đi" và "kẻ về" là một điều không dễ dàng xoa dịu được.

Thường thì khi "gia cố" những từ ngữ, thi liệu, ngữ liệu gốc Hán, Tú Xương luôn tước đi vẻ trang nhã, lược bỏ đi sự cách điệu. Với điển tích "xích thằng", khi nói "Vợ chồng như thể sợi tơ trao" (**Gửi cho cố nhân**), trong một chừng mực nào đó, quả là Tú Xương vẫn còn đầy cách điệu khi nói về chuyện duyên phận vợ chồng. Nhưng khi ông nói "Thương con toan lấy dây tơ buộc" (**Thông gia với quan**) và "Một sợi tơ hồng chẳng biết về" (**Chế bạn lấy vợ bé**) thì hàm nghĩa của "dây tơ" và "sợi tơ" đã trở nên hết sức cụ thể trong giọng điệu đầy mỉa mai, trào lộng "lấy dây tơ buộc" và đầy hài hước, cợt nhả "sợi tơ hồng chẳng biết về". Hằng Nga là người đẹp ở Cung Quế là điển tích quen thuộc. Khi vào tay Tú Xương, Hằng Nga trở thành "chị Nguyệt" và khi "chị Nguyệt" lại được đặt bên cạnh "thằng Cuội" là nhân vật trong truyện cổ dân gian Việt Nam thì tích cũ đã được khoác lên một nội dung hoàn toàn mới mẻ "Chị Nguyệt dung chi đưa tục tằn" (**Tự tiếu**).

Trong những trường hợp giữ lại gốc tích Hán học của từ ngữ và thi liệu, Tú Xương luôn khoác lên cho chúng một hàm nghĩa mới lạ. Giễu một ông Cử lấy vợ kế, nhà thơ đã mượn tích xưa (Lam Kiều) và mượn cả lối nói xưa (Xăm xăm đề nẻo Lam Kiều lân sang - Truyện Kiều). Ví ông Cử như chàng Bùi Hàng, chàng Kim Trọng xưa cũng "lân sang" "Lam Kiều", nhưng vì ông Cử cưới vợ kế là người tình cũ nên Tú Xương đã ví von "lối cũ lại lân sang". Điển xưa, lối nói xưa, kiểu nói ví von được ông Tú lên chặt vào câu thơ bảy chữ. Cũng "lân sang Lam Kiều" nhưng không phải ông Cử tìm người đẹp trong mộng như người xưa mà là tìm người cũ. Câu chuyện xưa được cụ thể hóa qua kiểu nói cách điệu ví von nhưng giọng điệu lại đầy ỡm ờ mà thành ra "lạ hóa", mà vỡ oà ra thành tiếng cười nhạo chót nhả.

Thơ Tú Xương thiếu vắng những hình tượng anh hùng, tráng sĩ trong cảm hứng khẳng định qua bút pháp cách điệu hóa mà chỉ có hình tượng những kẻ sĩ thất bại, những thị dân hãnh tiến trang tráo, hóm hỉnh được xây dựng bằng bút pháp cụ thể hóa. Do vậy mà trong thơ Tú Xương đã vắng bóng hoàn toàn những ngôn từ ước lệ phi cá thể như: *hồng nhan, nước non, chiếc bách, ba sinh, hồ thủy, xiếu mai, bồ liễu, gò Bông Đảo, lạch Đào Nguyên, Hằng Nga, con Ngọc thờ, tiếng nương dâu...* (Hồ Xuân Hương); *on mưa móc, hội gió mây, điển viên, tuế nguyệt, vòng cương tỏa, nợ tang bồng, tài lương đồng ...* (Nguyễn Công Trứ); *dường mây, trướng liễu, sân phụng, sông Tương, cửa Khổng ...* (Phan Thanh Giản); *vàng đá, nguyệt hoa, phong trần, Chu Y, Bành Trạch, Lỗ hầu, Chu Bá Nhân, Thục đế, bẻ dâu, ông Đào, chén Lí, sân Lai, Hoài Cát, Đường Ngụ, đông bích, điển phần, cụ Ngạn, thầy Vương...* (Nguyễn Khuyến) ...

Tú Xương cũng dùng "hồng nhan" nhưng không ước lệ theo kiểu cảm thương "phận hồng nhan có mong manh"(Truyện Kiều) và cũng không có sự hân học "trơ cái hồng nhan với nước non" như của Hồ Xuân Hương. Hàm nghĩa của "hồng nhan" đã được cụ thể hóa qua giọng điệu trào phúng "Mới biết hồng nhan là thế thế, Trăm năm trăm tuổi lại trăm thặng" (Cười người ở phố Hàng Song) hay "Nào có ra chi phường khố lụa, Thôi thì cũng tải kiếp hồng nhan" (Thông gia với quan). Tú Xương cũng dùng "non nước" nhưng đã hài hước hóa khi đặt "non nước" bên cạnh "trăng hoa": "Lắng tai non nước nghe chừng nặng, Chớp mắt trăng hoa giả cách nhem" (Già chơi trống bỏi). Tương tự, những từ *phong trần, phong lưu ...* cũng đều đã được cụ thể hóa trong giọng điệu trào phúng :

- + "Bao nhiêu kiếp **phong trần** giữ khỏi,  
    Tìm an thanh cảnh vắng khỏi dờ tuồng" (Đĩ rạc đi tu)
- + "Nọ khách **phong lưu** bực thứ nhì" (Tự đắc)
- + "Mà vẫn **phong lưu** suốt cả đời" (Tự trào II)
- + "Phong lưu rất mực ba ngày tết,  
    Kiết cú như ta cũng rượi chè" (Năm mới)
- + "Phong lưu dài các giống ông hoàng.  
    **Phong lưu** như thế **phong lưu** mãi"

(Trông thấy người đi đường)

- + "Ông được **phong lưu** tại nước da" (Hỏi thăm ông Ấm)

Cụ thể hóa những từ ngữ ước lệ thông dụng mang tính "kinh điển", mặt khác, Tú Xương lại ra sức "ước lệ hóa" những từ ngữ cụ thể. Với những từ ước lệ kiểu mới như: *phỗng sành, thân cò, phận gái hạt mưa, yếm trắng ...* ông Tú đã góp phần không nhỏ vào việc làm giàu cho kho từ vựng tiếng Việt.

- + "Ở phố Hàng Nâu có **phỗng sành**" (Tự vịnh)
- + "Lặn lội **thân cò** khi quãng vắng" (Thương vợ)
- + "Nghĩ mình **phận gái hạt mưa**" (Đĩ rạc đi tu)
- + "Yếm trắng như cô phải chọn chồng"

(Vịnh cô Cáy chợ Rông)

Thơ Tú Xương không có nhiều những từ ngữ trang nhã, lý tưởng hóa mà chỉ có "rất" một kiểu từ ngữ khắc họa cụ thể: *đen kịt, mốch thếch, gồ gồ, di dẹt, om sòm, chí cha chí chát, đen thui đen thui, nhẵn nhụi, trắng trẻo, lơ láo, tấp tểnh, lim dim ngủ, nhấp nhồm ngời, lăm le, lôi thôi, ậm ọe, rộp trời, quét đất, ậm ờ, ậm ớ, ngoi dút vịt, ngồng đầu rồng, cây cục, sặc sụa, rách rưới, nghêu ngao, lẳng quăng, một duyên hai nợ, năm nắng mười mưa, im im, rình rình, lẳng lẳng, nhẵn nhó ...*; và đây đây những từ ngữ để cá thể hóa để trần tục hóa và tầm thường hóa đối tượng được miêu tả: *dở dở lại ương ương, ăn quít, chơi lường, vuốt râu, quắc mắt, ngo ngo ngẩn*

*ngắn, vênh râu, lên mặt, tranh nhau, dùng đĩnh ngồi xe, giả cầm giả điếc, dơ dáng dạng hình, rụt rè, liều lĩnh, tớp, điệu tráp nghênh ngang...*

Bằng những từ ngữ cụ thể, Nguyễn Du có được nhân vật Tú Bà "nhờn nhọt màu da", có được nhân vật họ Mã "Mây râu nhẵn nhụi". Nguyễn Khuyến có nhân vật "ông trời" "loang lổ pha đen trắng". Bằng những từ ngữ đời sống thông tục cụ thể, Tú Xương đã đưa vào thơ ca một loạt nhân vật hè phố. Nhờ vào những từ ngữ thông tục cụ thể ấy mà ông Tú đã cá thể hóa được các nhân vật và đã chạm khắc nên được những hình tượng nhân vật thật ấn tượng. Đó là viên quan Phòng thành "đen kịt", ông quan "Đốc thì lang". Đó là một cậu Ấm "mốc thếch như trấn gió", là người bán sắt "Mũi nó gỗ gồ, trán nó giồ". Đó là những thị dân hợm hĩnh, hãnh tiến quần là áo lượt trên đường phố Thành Nam trong ngày Tết :

*"Chí cha chí chất khua giày dép,  
Đen thúi đen thui cũng lượt là."*

(Ngày xuân ngẫu hứng)

Nổi bật lên trong đám thị dân ấy là nhân vật "phổng sành" ở phố Hàng Nâu "Mắt thì lơ lác, mặt thì xanh", là nhân vật thầy đồ "Râu rậm như chổi, Đầu to tây giành". Nhân vật "phổng sành" của Tú Xương cũng trống rỗng cũng vô năng như nhân vật "phổng đá" của Nguyễn Khuyến. Nhưng nhân vật "phổng sành" không trở thành là nhân vật chức năng - nhân vật để kí thác nỗi niềm thế sự của chủ thể trữ tình, nhờ đã được cá thể hóa qua từ lấp láy "lơ lác" có tính đặc tả cao. Chàng Từ Hải của Nguyễn Du cũng đã ửng trán trở trong nỗi niềm "hàng thần lơ lác" ("Bó thân về với triều đình, Hàng thần lơ lác phân mình ra sao?"). Trong thơ ông Tú, từ lấp láy "lơ lác" không chỉ có tác dụng cá thể hóa nhân vật mà nó còn có tác dụng khu biệt hóa nhân vật này với những nhân vật là hình tượng cái tôi nhà thơ trong thơ ca nhà Nho đương thời. "Lơ lác" không chỉ "vẽ" nên được vẽ "lơ lác" trong ánh mắt của nhân vật "phổng sành" là hình tượng cái tôi nhà thơ mà còn "chạm khắc" được cả tâm trạng của cái tôi nhà thơ trước thời cuộc. Tâm trạng vừa phủ nhận thực tại (Giương mắt trông chi buổi bạc tình), đồng thời lại hết sức thiết tha với cuộc đời "Sống lâu lâu để làm gì nhỉ, Lâu để mà xem cuộc chuyển vần" trong ánh mắt "lơ lác" phần nào có giống tâm trạng khi "chỉ xem bằng mũi" và "Tựa gối ôm cần lâu chẳng được" của cái tôi nhà thơ Nguyễn Khuyến. Cảm hứng thế sự qua ánh mắt "lơ lác" dưng về dưng vô cảm - lạnh lùng, đứng đưng vốn là bản chất của thị dân. Cảm hứng ấy hoàn toàn khác lạ với cảm hứng thế sự qua ánh mắt "không vậy cũng đổ hoe" (**Thu ẩm**) đầy thiết tha và đầy nồng nàn của cái tôi nhà thơ nhà Nho Nguyễn Khuyến. Do vậy, tâm trạng trong ánh mắt "lơ lác" của gã thị dân ở đây càng khác lạ với tâm trạng trong ánh mắt qua nỗi niềm "lơ lác" của chàng Từ Hải khi xưa.

Trong cảm hứng vô hạnh hóa đối tượng, Nguyễn Du đã có nhân vật Mã Giám sinh "Mây râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao". Cũng có vẻ mặt "nhẵn nhụi", nhưng do

được khắc họa trong cảm hứng nồng nàn sâu lắng mà hình tượng nhân vật người phụ nữ thì dần hiện lên sừng sững trong bài "Văn tế sống vợ" như là hóa thân của sự đức hạnh.

"Mặt **nhấn nhụi**, chân tay trắng trẻo, ai dám ché rằng béo rỗng lùn;  
Người ung dung, tính hạnh khòa hòa, chỉ một nỗi hay gần hay dở."

Bước chân "xăm xăm" vì tình của nàng Kiều (xăm băng lối vườn khuya một mình) và của chàng Kim (xăm đê nẻo Lam Kiều lần sang), theo Hoài Thanh đến nay vẫn còn làm cho lắm kẻ phải ngỡ ngàng, phân vân. Với từ lấp láy "tấp tểnh" mang tính tạo hình, Tú Xương không chỉ đã khắc họa một cách đầy hí lộng bộ điệu lẫn tâm trạng của các sĩ tử qua bước chân "tấp tểnh" mà còn hí họa ra được sự tuột dốc đầy thâm hại của đạo học nhà Nho.

"*Tấp tểnh người đi tớ cũng đi,*  
*Cũng lều, cũng chõng, cũng đi thi*" (Đi thi)

Cũng với từ lấp láy "tấp tểnh" này, Tú Xương còn hí họa được một cách tài tình tình cảnh cùng tâm trạng của những con người phố phường, kẻ chợ... qua những bước chân "tấp tểnh" để lại một ấn tượng thật khó phai.

+ "Con **tấp tểnh** đi bồi" (Than cùng)  
+ "Được voi **tấp tểnh** lại đòi tiên" (Bực mình)  
+ "Toan **tấp tểnh** những đường tu lí" (Đi rạc đi tu)  
+ "Lại còn **tấp tểnh** với đàn em." (Già chơi trống bỏi)

Trong cảm hứng vô hạnh hóa đối tượng, Nguyễn Du đã chạm khắc nên dáng ngồi "sổ sàng" của gã Giám Sinh họ Mã qua từ "tót" đầy ấn tượng. Trong cảm hứng trào lộng, Nguyễn Khuyến chạm khắc nên dáng ngồi "lênh nhếch" của nhân vật "bà quan". Bằng cảm hứng trào lộng và tấm thương hóa đối tượng, Tú Xương đã làm phong phú cho bảo tàng nhân vật thi ca với vô số những kiểu ngồi thật độc đáo, từ kiểu "Ngồi đấy chả hơn là chú Cuội" của một đức ông chồng vô tích sự cho đến các kiểu: *đứng đỉnh ngồi, ngồi thời thẳng, ngồi chễm chệ, ngồi xe, ngồi Thống Bảo...* của những thị dân, của những "anh hùng khi vị ngộ", của những nhà Nho lỗ vận ...

+ "Khi cao lâu, khi cà phê, khi nước đá, khi thuốc lá, khi **đứng đỉnh ngồi xe**"  
(Chú Mán)

+ "Xu hào rủng rỉnh Mán **ngồi xe**" (Năm mới)  
+ "Thầy **ngồi chễm chệ**,  
Trò đứng xung quanh" (Phú thầy đồ dạy học)  
+ "Biết **ngồi Thống Bảo**, biết đi ả đầu." (Hỏi ông trời)

Cùng là kiểu ngồi của hạng sư tăng hổ mang:

"Một thằng trọc tuếch **ngồi khua mõ**,  
Hai ả tròn xoe đứng múa bông."  
(Sư ông và mấy ả lên đồng)

Những ấn tượng nhất và độc đáo nhất là kiểu ngồi "nhấp nhồm" của ông thầy đồ Nho "Thầy khóa tư lương **nhấp nhồm** ngồi" (**Than đạo học**) và cái bộ dạng của cụ đầm trong lễ xướng danh qua kiểu ngồi "ngồi đít vịt": "Trên ghế bà đầm ngồi đít vịt" (**Giễu người thi đồ**).

Không có những hình tượng anh hùng, tráng sĩ, những ẩn sĩ mà chỉ có những kẻ sĩ thất bại, những thị dân hợm hĩnh hãnh tiến, nên trong thơ Tú Xương cũng vắng bóng luôn lớp từ thể hiện cuộc sống nhàn dật, ca ngợi sự hào hùng, tráng chí mà chỉ có những ngôn từ khắc họa tâm trạng bế tắc chán chường của kẻ sĩ thất bại:

+ "Khi cười, khi khóc, khi **than thở**,  
**Muốn bỏ** văn chương học võ biên." (Bực mình)

+ "Sống lâu lâu để làm gì **nhỉ** ?  
 Lâu để **xem** cuộc chuyển vận." (Tự trào I)

+ "**Muốn** mù trời chẳng cho mù **nhỉ**,  
**Giương mắt** trông chi buổi bạc tình ?" (Đau mắt)

mà chỉ có những từ ngữ nhằm khắc họa tâm trạng dằng dặc nổi u hoài của chủ thể trữ tình:

"Trời không chớp bể với mưa nguồn,  
**Đêm nảo** **đêm nao** tố cũng buồn.  
 Ngao ngán tình chung cơn gió thoảng,  
**Nhật nhều** quang cảnh bóng trăng sương." (Đêm buồn)

Ngôn từ đời sống thông tục hàng ngày trong thơ Tú Xương là từ ngữ hệ phổ, từ ngữ của đời sống thị thành. Lớp từ vựng khẩu ngữ phổ phương, kẻ chợ đã "ùa" vào thơ Tú Xương một cách tự nhiên theo những qui luật xúc cảm tự nhiên của chủ thể trữ tình mà tung hô mọi khuôn sáo, qui phạm của thơ ca trung đại. Đó là tiếng ê a học vắn quốc ngữ của các thầy đồ nho:

"**Á, ơ, u, âu** ngọn bút chì" (Đi thi)

Đó là những thanh âm hỗn tạp "chí cha chí chất", những tiếng "xì xào tôm tép"..., là một mớ hổ lốn những tiếng chào hỏi giờ Tây, giờ Tàu ngoài đường phố:

+ "**Hầu** **lố**, **méc** xì thông mọi tiếng" (Hổng thi II)

+ "**Hầu** **lố**, Khách đà năm bảy chú,  
**Méc** xì, Tây cũng bốn năm ông." (Phòng không)

Là những lời trần tình: "**Cha** **thằng** nào có tiếc không cho" (Thề với người ăn xin), những tiếng thề bồi trí trá: "Việc bác không xong **tôi** **chết** ngay!" (Bôn người làm mối). Là tiếng phân bua của người kẻ chợ với người kẻ chợ:

"**Thôi** **thế** thì **thôi** đành Tết khác,  
 Anh em **đừng** nghĩ Tết tôi nghèo !" (Cảm Tết)

Đó cũng là tiếng bốn cột của đôi vợ chồng thị dân :

"Hỏi mẹ mà y rằng **dốt hay hay?**

Thưa rằng : **hay thực là hay,**

Không hay **sao lại** đổ ngay Tú tài !

Xưa nay em vẫn **chịu ngài.**" (Tết dán câu đối)

Đó cũng là những tiếng chì tiếng bấc, tiếng "vợ chửi chồng" đầy ngoa ngoắt vang vọng từ trong những gia đình thị dân:

"Chỉ trách người **sao chẳng** trách mình,

Mình trung **đâu đấy** trách người trinh ?"

(**Cô hầu gửi cho quan lớn**)

Đó còn là những tiếng than thở trước tình người, tình đời đen bạc:

+ "**Chồng chung, vợ chạ** kìa cô Bó,

**Đậu lạy, quan xin** nợ chú Hàn." (**Lắm quan**)

+ "Bác Nam **hỏi khắp** người bao tỉnh,

**Có đất nào như đất** ấy không ?" (**Than đời**)

Khẩu ngữ đường phố đã làm cho giọng điệu của những lời than đời của cái tôi nhà thơ sâu lắng nồng nàn bao nhiêu thì cũng làm cho giọng điệu trong tiếng chửi người, chửi đời cũng như tự chửi mình của cái tôi ấy cay độc ngoa ngoắt bấy nhiêu. Được chấp nhận nên từ khẩu ngữ đường phố, do vậy mà tiếng chửi trong thơ Tú Xương hết sức là đa điệu. Khi nhà thơ tự lời bản thân làm đối tượng:

"**Cha mẹ thói đời** ăn ở bạc,

**Có chồng hờ hững** cũng như không." (**Thương vợ**)

Giọng điệu trong tiếng chửi ấy là giọng điệu nhẹ nhàng, mát mẻ, là tiếng chửi đồng vào cái "hờ hững" của đức ông chồng, chửi đồng nhưng lại là chửi thẳng - nghe như tiếng "nghêu ngoao" của các bà vợ - vào cái "thối đời" - cái trật tự "chồng chúa vợ tôi" trên đời.

Là khi nhà thơ phần chí, uất ức quá tự chửi mình mà thành tiếng chửi cay độc nghiệt ngã:

"**Tế đối làm Cao** mà chó thế,

Kiên trông ra **Tiếp hời** trời ôi !" (**Thi hồng I**)

Tiếng chửi đời của ông Tú thật chất chúa, đốp chát:

+ "Hót mau kéo nữa **kính trời** dậy,

Trời dậy thì bây **chết bỏ** đời."

(**Hót của trời**)

+ "Từ rầy **thấy mẹ** quan viên hội,

Thi khảo làm chi nó **chửi** ông."

(**Giễu ông Đội**)

+ "**Chẳng hay** gian dối vì **đâu** vậy,

**Bá ngọ** thằng ông biết chữ gì."

(**Chế ông Huyện**)



+ "Vị phỏng quyển thi ông được chấm,  
Đù chớ đù mẹ đũa riêng ai." (Đùa ông Hàn)

Không thâm trầm kín cạnh như tiếng chửi đời trong thơ Nguyễn Khuyến, tiếng chửi đời trong thơ Tú Xương dữ dội, mạnh mẽ cứ nhè đối tượng mà vụt thẳng, quật thẳng không một máng may kiêng dè. Tuy nhiên, tiếng chửi ấy lại hết sức tự nhiên, cứ thế như là ông Tú buột miệng là thành thơ:

+ "Ngủ quách, sự đời **thầy** kẻ thức" (Đêm buồn)  
+ "**Cha** kiếp sinh ra phận má hồng" (Kiếp làm lẽ)  
+ "**Cha** thẳng nào có tiếc không cho" (Thề với người ăn xin)  
+ "Thôi đừng điếu tráp nghênh ngang nữa,  
Thằng tiểu Phù Long bá ngọc mà y." (Chửi cậu Ấm)  
+ "Thi thế mà cũng thi, **Ới** khỉ ời là khỉ!" (Than sự thi)

Phải thừa nhận rằng, ông Tú không phải là người đầu tiên "du nhập" tiếng chửi vào thơ ca, nhưng chẳng ở đâu như trong thơ Tú Xương tiếng chửi lại độc đáo với nhiều cung bậc đến như thế!

Ngôn từ thông tục khẩu ngữ tràn vào thơ ông Tú làm nên giọng điệu thơ đậm sắc thái trào phúng:

+ "Mới biết trời cho sum họp mặt,  
Thôi đừng chê nhỏ với cười to." (Đề ảnh)  
+ "Năm nay đổ **rất** phường hay chữ,  
Kìa bác Lê Tuyên cũng thứ ba." (Giễu khoa thi Canh Tí)  
+ "**Xem** chừng hay chữ có ông thôi." (Hỏi bạn đỗ tiến sĩ)  
+ "Ý hẩn thịt xôi lèn **chặt** dạ,  
Cho nên con tự mới **thời** ra." (Ngày xuân bốn làng thơ)  
+ "Ý hẩn cậu còn tuổi trẻ, tính hầy ngây thơ;  
**Quái** thay bà đã về già, cũng còn lẩn thẩn..." (Kể lai lịch)

Và cũng làm nên giọng điệu thơ thật nồng nàn trữ tình.

+ "Nhấn nhe **chốn** ấy tìm nơi khác,  
Ta **chẳng** ra chi chớ đợi chờ." (Gửi cho cô đào)  
+ "Yêu nhau **chẳng** lấy được nhau nào,  
Mình nghĩ làm sao tớ nghĩ sao?" (Gửi cho cố nhân)  
+ "**Hay** mình thấy tớ nay Hàng Thao, mai Phố Giầy mà **bụng** mình ghen;  
**Hay** mình thấy tớ sáng Tràng Lạc, tối Viễn Lai mà **lòng** mình sợ." (Văn tế sớ vợ)

Những hư từ "nào", "sao", "mà" cùng những đại từ "mình", "tớ", "chốn ấy"... những từ ngữ trong lời nói thường ngày - đi vào thơ ông Tú một cách thật tự nhiên mà

làm nên những lời nói dung dị tự nhiên nhưng lại đầy chất thơ. Giọng điệu thơ như là "lời nói thơ" là một nét riêng, một đặc trưng rất riêng của ngôn ngữ thơ Tú Xương.

Lớp từ xưng hô, đại từ nhân xưng trong thơ Tú Xương thật phong phú và đa dạng. Tỷ lệ ấy được ghi nhận như sau: trong thơ Hát nói 17 từ/127 dòng thơ (13, 38%), Lục bát 26 từ/58 dòng thơ (44,84%), thơ luật Đường (24,33%).

- + "Ta lên ta hỏi ông trắng,  
Họa là ông có biết chẳng sự đời." (Hỏi ông trắng)
- + "Người bảo ông điên ông chẳng điên,  
Ông thương, ông tiếc hóa ông phiền." (Bực mình)
- + "Người dối ta đây cũng chẳng no" (Thề với người ăn xin)
- + "Kể tuổi nhà **min** ngoài bốn mươi,  
Văn **min** khắp khắp, học **min** lười." (Đi thi gặp bạn)
- + "Việc **bác** không xong **tôi** chết ngay" (Bên người làm mối)

Bên cạnh những đại từ xưng hô thông tục và thông dụng như: ta, ông, người, min, cụ, nó, bác, tôi, mày ... trong thơ Tú Xương còn có một lớp đại từ nhân xưng hoàn toàn mới lạ: ngài - em, anh - em, ai, mình - tớ,...

- + "Xưa nay **em** vẫn chịu **ngài** !" (Tết dán câu đối)
- + "Ai ơi còn nhớ **ai** không?" (Áo bông che đầu)
- + "Yêu nhau chẳng lấy được nhau nào,  
Mình nghĩ làm sao **tớ** nghĩ sao." (Gửi cho cố nhân)

Tú Xương đã dân gian hóa thơ ca nhà Nho bằng những đại từ nhân xưng đầy dân dã "mình - tớ" và bằng những đại từ phiếm chỉ "ai" đầy tình tứ. Đồng thời ông Tú cũng đã làm cho giọng điệu thơ ông trở nên lạ hóa với cặp từ xưng hô mới lạ "em - ngài".

Trong xã hội cũng như trong thơ ca lúc bấy giờ mà vợ chồng vẫn quen xưng hô là "bà" với "lão" (Bà đi đâu vội mấy! Để cho lão vất vợ vất vưởng...- Nguyễn Khuyến) và những người tình cũ gặp lại nhau vẫn rụt rè gọi nhau "ta" và "nàng": "Ngã lãng du thời **quân** thương thiếu, **Quân** kim hứa giá **ngã** thành ông." (Dương Khuê). Sau Tú Xương vài thập niên, trong thơ Mới cách vợ chồng, trai gái xưng hô "ta nàng", "tôi nàng", "cô mình"... vẫn còn khá phổ biến. Cách vợ chồng xưng hô "mình ta", "em ngài" cũng đã là mới lạ và đã đầy táo bạo. Với sự xuất hiện của cặp từ xưng hô "anh - em" trong những vần thơ lục bát và cả trong thơ Nôm luật Đường, Tú Xương đã làm nên một đợt phá đầy táo bạo không chỉ tạo nên sự mới lạ về hình thức diễn đạt mà còn tạo nên một sự mới lạ đầy lạ hóa về mặt cảm hứng và sắc thái trữ tình.

- + "Ước gì **anh** hóa ra dưa,  
Để cho **em** tắm nước mưa chậu đồng,  
Ước gì **anh** hóa dưa hồng,

Để cho em bé em hồng trên tay." (Hóa ra đưa)

+ "Em gửi cho anh tấm lụa đào...

... Không biết rằng em bán thế nào?" (Tặng người quen)

Với cặp từ xưng hô "anh em", giọng điệu thơ và ngôn ngữ thơ của Tú Xương đã trở nên mới lạ và hiện đại.

Bên cạnh đó, sự xuất hiện của một lớp từ xưng hô mang đậm sắc thái dân gian và địa phương: *mẹ mày, bu nó, nhà thầy, con mụ, mẹ đĩ, bố, cha cu, con, anh em, chị em ta, chốn ấy, mụ nọ, cụ nọ, cô kia, cụ cố, bà cố, thầy, cô, cô ấy* ... đã góp phần tô đậm thêm nét riêng đầy lạ hóa cho sắc thái trữ tình của ngôn từ nghệ thuật trong thơ ông Tú.

+ "Hỏi mẹ mày rằng dốt hay hay?" (Tết dán câu đối)

+ "Đường con, bu nó một năm một,

Tính tuổi, nhà thầy ba lẻ ba." (Than thân chưa đạt)

+ "Tiền bạc phó cho con mụ kiếm" (Tự trào II)

+ "No ấm chưa qua vảnh mẹ đĩ,

Đỗ dành may khỏi tiếng cha cu." (Hỏi mình)

+ "Nhấn nhe chốn ấy tìm nơi khác" (Gửi cho cô đào)

+ "Mụ nọ chanh chua vợ chữ chồng" (Than đời)

+ "Khăn là cụ nọ to tầy rế,

Váy lĩnh cô kia quét sạch hè." (Năm mới)

+ "Hỏi cô ấy có chồng chăng nhỉ?

Anh đây thật là người chí khí," (Giễu bạn)

+ "Chị em ta cùng nhau giữ giá" (Cảnh Tết nhà cô đầu)

Với lớp từ xưng hô mang đậm sắc thái dân gian và sắc thái địa phương này, Tú Xương đã tô đậm thêm tính chất "sự Nam Định, lời Nam Định, người Nam Định"<sup>3</sup> trong thơ ông. Với "sự Nam Định, lời Nam Định, người Nam Định" ấy, ông Tú đã có đóng góp không nhỏ tạo nên sự phong phú cũng như tạo nên sắc thái hiện đại của ngôn ngữ thơ Việt Nam.

Một nét đặc biệt rõ rệt của thơ ca trung đại là "thơ không viết ra theo ngôi thứ nhất. Nó vô nhân xưng, vô quan hệ vì rằng cái âm thanh thoát từ lòng nhà thơ chính là hồi âm của cái chung nội tại..."<sup>4</sup> Sự có mặt khá thường xuyên của lớp từ xưng hô trong thơ Tú Xương đã phá vỡ cấu trúc tĩnh lược của câu thơ Nôm luật Đường nói riêng và phá vỡ qui phạm cô đọng, hàm súc của câu thơ cách luật trung đại nói chung. Không chỉ phá vỡ cấu trúc tĩnh lược của câu thơ Nôm luật Đường, phá vỡ qui phạm cô đọng hàm súc - sự độc lập về ngữ pháp của các dòng thơ, sự xuất hiện khá thường xuyên của các đại từ trong thơ Tú Xương đã tạo nên sự liên tục của các dòng thơ trong mối quan hệ ngữ pháp thay thế quan hệ ý tưởng của câu thơ cách luật truyền thống, tạo nên hiện tượng câu thơ vắt dòng.

+ "Nào ai là kẻ tìm ta đó,  
Đốt đuốc mà soi kéo lẫn nhà." (Đêm dài)  
+"Ông có đi thi kí lục không ?  
Nghe ông quốc ngữ học chữa thông.  
Ví bằng nhà nước cho ông đỡ,  
Thì hạng lương ông được mấy đồng?" (Bữa người đi thi kí lục)  
+"Việc thánh như ông đã hết lòng,  
Hết lòng ra của lại ra công.  
Từ rầy thầy mẹ quan viên hội,  
Thi khảo làm chi nó chữ ông." (Giễu ông Đội) ...

3. Tóm lại, nét riêng của ông Tú về mặt ngôn từ nghệ thuật được thể hiện rõ qua cách sử dụng ngôn từ độc đáo và mới lạ. Tú Xương đã bình dân hóa thơ ca bác học trung đại bằng hệ thống ngôn từ thông tục "nhai đàm hạng ngữ", bằng sự lược bỏ tính cách điệu của ngôn ngữ thơ ca truyền thống qua sự lược bỏ điển cố, thi liệu Hán học, giản lược hình thức đối ngẫu và nhất là đã Việt hóa các yếu tố Hán học bằng tất cả sự sáng tạo đầy táo bạo mang đậm phong cách riêng của Tú Xương.

Những ngôn từ cụ thể mang đậm tính khắc họa qua cảm hứng vừa trào phúng vừa trữ tình đã làm nên một giọng điệu "lời nói thơ" đầy khu biệt của thơ Tú Xương.

#### Chú thích:

1. Dẫn theo Đào Thân (1998), *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 10.
2. Thơ Tú Xương thống kê và trích dẫn trong bài dựa vào văn bản tác phẩm Tú Xương chúng tôi đã tuyển chọn khảo đính dựa trên 6 bản Nôm chép tay và khoảng 40 ấn phẩm tác phẩm Tú Xương kể từ bản sớm nhất là "Cổ xúy nguyên âm" (1916) và bản mới nhất "Thơ Trần Tế Xương tác phẩm và dư luận" (2002). Xin xem thêm :  
+ Đoàn Hồng Nguyên (2001), "Về văn bản thơ Tú Xương", trong sách *Trần Tế Xương về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 528 -536.  
+ Đoàn Hồng Nguyên (2001), "Về các bản Nôm chép tay tác phẩm của Tú Xương", *Thông báo khoa học* (1), ĐHSP Huế, tr. 47 - 52.
3. Chữ dùng của Nguyễn Tuân. Xem: Nguyễn Tuân (1998), "Thời và thơ Tú Xương", trong sách *Tú Xương con người và tác phẩm*, Ngô Văn Phú biên soạn, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
4. I.S. Lisevich (1993), *Từ ngữ văn học Trung Quốc cổ xưa*, Trần Đình Sử dịch, Trường ĐHSP TpHCM xuất bản, TpHCM, tr. 215.

**Tóm tắt**

*Bài viết khảo sát nét riêng khác lạ của thơ Tú Xương qua hệ thống ngôn từ và cách sử dụng ngôn từ, cụ thể là qua cách ông Tú Việt hóa và bình dân hóa các từ ngữ thi liệu gốc Hán bằng cách lược đi vẻ trang nhã và lược bỏ đi sự cách điệu.*

*Một nét riêng độc đáo trong thơ Tú Xương, đặc biệt là Thơ Nôm luật Đường là sự vắng bóng ngôn từ ước lệ phi cá thể mà chỉ có những từ ngữ thông tục cụ thể hóa. Cụ thể hóa những từ mang tính kinh điển nhưng Tú Xương lại ước lệ những từ ngữ cụ thể để làm giàu cho kho từ vựng tiếng Việt.*

*Tú Xương đã bình dân hóa thơ ca trung đại bằng hệ thống ngôn từ thông tục, bằng sự lược bỏ tính cách điệu vốn là đặc trưng của ngôn ngữ thơ ca trung đại để tạo nên những vần thơ vừa trữ tình vừa trào phúng trong giọng điệu mang đậm tính chất "lời nói thơ".*

**Abstract**

**The characteristics of the artistic language in Tu Xuong's poetry**

In this article, we try to introduce our readers to the extraordinary and quite strange trend in TuXuong's poetry through his systems of language and the way he used the language especially, how he Vietnamized and popularized the poetical language from Sino-Vietnamese origin by putting aside the familiar solemnity and doing away with conventional metamorphoses.

An original, uncommon character in Tu Xuong's poetry, particularly in Thơ Nôm (spoken Vietnamese poems) written in the Chinese Tang poetical meters is the absence of conventional language and non-individual descriptions but the common specialized vocabulary. While materializing those scholastic words, Tu Xuong some what conventionalized the popular words to enrich the Vietnamese vocabulary.

Tu Xuong popularized the pre-modern poetry by using the common words and by simplifying the metamorphosis that is the characteristic of the pre-modern poetical language to make his poems both romantic and satirical in the tone enriched with "everyday speech poems" character.